

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐÀ NẴNG**

- *VT phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Cường.

Bà Dương Thị Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Nam, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tuyển, Kiểm sát viên.

Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2026/HPT-QĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị KT, sinh năm 2000.

Hộ khẩu thường trú: thôn GD, xã SV, thành phố ĐN; hiện trú tại: thôn ĐS, xã SV, thành phố ĐN, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh VT, sinh năm 1998.

Địa chỉ: thôn GD, xã SV, thành phố ĐN, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2025, các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị VT trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị KT và anh VT kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐG, tỉnh QN, nay là xã SV, thành phố ĐN. Quá trình chung sống, đến năm 2019 thì anh VT, chị KT phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian từ năm 2019 cho đến nay, anh VT có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, có người ở xã ĐG, có người ở xã SV.

Nhiều lúc chị KT bắt gặp và đọc được tin nhắn anh VT nhắn với nhiều phụ nữ khác. Nội dung tin nhắn nói về chuyện tình cảm nam nữ. Anh VT cũng đã từng thừa nhận và xin lỗi chị KT về việc đêm khuya có chở người phụ nữ khác đi chơi. Anh VT hay uống rượu, cờ bạc, không quan tâm đến vợ và các con. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên từ tháng 6/2025 anh, chị đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Chị KT xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh VT.

Về con chung: Có 02 con chung, tên là AK, sinh ngày 24/01/2019 và QA, sinh ngày 25/8/2022. Hiện cháu AK đang ở với anh VT tại nhà mẹ anh VT, còn cháu QA đang sống cùng với chị KT tại nhà cha mẹ chị KT. Ly hôn, chị KT có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu QA, giao anh VT nuôi dưỡng cháu AK. Chị KT không yêu cầu anh VT cấp dưỡng cháu QA và chị cũng không tự nguyện cấp dưỡng cháu AK.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị KT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh VT:* Anh VT có hộ khẩu thường trú tại thôn GD, xã SV, thành phố ĐN. Theo kết quả xác minh tại Công an xã Sông Vàng thì anh VT vẫn còn cư trú và sinh sống tại địa phương. Sau khi Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh VT không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không có lý do trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 22/4/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai. Do đó, việc lấy lời khai của anh VT và hòa giải không thực hiện được.

Qua xác minh tại UBND xã Sông vàng, cho thấy: Người có tên “CT, sinh ngày 25/3/1998” trong Giấy đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh cháu AK và tên “VT, sinh ngày 25/3/1998” trong Căn cước công dân và một số giấy tờ khác là cùng một người. Ngày 13/3/2023 Phòng Tư pháp huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam cũ đã cải chính họ tên của anh CT thành VT. Trong quá trình chung sống, giữa anh VT và chị KT có xảy ra mâu thuẫn nhưng không yêu cầu địa phương hòa giải. Sau đó chị KT về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn ĐS, xã SV, thành phố ĐN, còn anh VT tiếp tục sống tại nhà mẹ ruột ở thôn GD, xã SV, thành phố ĐN.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chị VT đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh VT trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh VT vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị VT được ly hôn với anh VT.

- Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu QA, sinh ngày 25/8/2022 cho chị KT trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu AK, sinh ngày 24/01/2019 cho anh VT trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị KT không yêu cầu anh VT cấp dưỡng nuôi cháu Anh nên không đề nghị xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị KT không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị VT có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh VT, giao quyền nuôi con chung. Anh VT có nơi cư trú tại xã SV, thành phố ĐN. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa VT niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị KT và anh VT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện ĐG cũ, nay là xã SV, thành phố ĐN vào ngày 13/12/2018, nên quan hệ hôn nhân giữa chị KT và anh VT là hợp pháp.

Trước đây anh VT có họ tên là CT, sau này đã được chính quyền địa phương cải chính thành VT. Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị KT và anh VT có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh VT có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh VT không quan tâm đến vợ và các con. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm (từ năm 2019 cho đến thời điểm xét xử vụ án) không hàn gắn được.

Chị KT và anh VT bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 6 năm 2025 đến nay. Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian, tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh VT không có thiện chí trong việc tham gia hòa giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị KT và anh VT lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho chị KT được ly hôn với anh VT là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Chị KT và anh VT có 02 con chung là AK, sinh ngày 24/01/2019 và QA, sinh ngày 25/8/2022. Chị KT có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu QA và giao anh VT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu AK cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Xét thấy, chị KT và anh VT đều có sức khỏe bình thường, chị KT làm nhân viên Viettel và tiếp thị bia có thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng; anh VT lái xe xúc có thu nhập hàng tháng khoảng trên 10.000.000 đồng. Cả chị KT và anh VT đều có công việc, có thu nhập để trang trải cuộc sống. Bên cạnh đó, chị KT và anh VT chưa có nhà ở, cả hai đều sống nhờ nhà cha mẹ ruột của mình. Cháu AK hiện đang ở với anh VT và có nguyện vọng được ở với anh VT. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị KT, giao cho chị KT tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con QA cho đến khi đủ tuổi VT niên, giao anh VT tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con AK cho đến khi đủ tuổi VT niên là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị KT không yêu cầu anh VT cấp dưỡng nuôi con QA nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh VT không có bản tự khai, vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX không biết việc anh VT có yêu cầu chị KT có cấp dưỡng cháu AK hay không nên HĐXX không xem xét trong vụ án này, sau này nếu anh VT có đơn yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị KT không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Sau này nếu anh VT hoặc chị KT có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị KT phải chịu 300.000 đồng tiền án phí xin ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị VT về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với bị đơn anh VT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị KT được ly hôn với anh VT.

2. Về con chung: Có 02 con chung. Giao con chung QA, sinh ngày 25/8/2022 cho chị KT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Giao con

chung AK, sinh ngày 24/01/2019 cho anh VT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi VT niên. Chị KT không yêu cầu anh VT cấp dưỡng nuôi cháu Anh.

Chị KT và anh VT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mình không trực tiếp nuôi sau ly hôn. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị KT không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị KT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị KT đã nộp tại Thi hành án dân sự VT phố Đà Nẵng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006904, ngày 10 tháng 12 năm 2025. Chị KT đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/5/2026). Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VT phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- UBND xã Sông Vàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mạc Văn Hình

